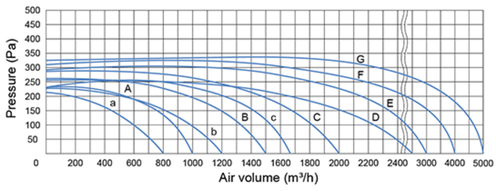
THIẾT BỊ THÔNG GIÓ THU HỒI NHIỆT



- Động cơ đồng với vòng bi chất lượng cao giúp tiết kiệm năng lượng.
- Hoạt động ổn định, độ ồn thấp.
- Lõi trao đổi nhiệt toàn diện.
- Thiết kế tinh tế, đẹp mắt, dễ dàng lắp đặt và bảo trì.

Đường đặc tính

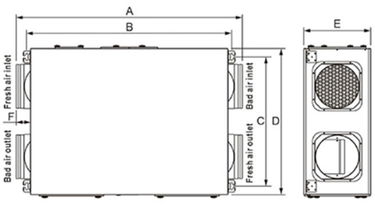


Model	Hi	Low
NH-1000C	A	a
NH-1500C	B	b
NH-2000C	C	c
NH-2500C	D	-
NH-3000C	E	-
NH-4000C	F	-
NH-5000C	G	-

Thông số kỹ thuật

Model	Kích thước		Nguồn điện/ Tần số	Công Suất	Vận tốc	Lưu lượng	Áp suất	Tỷ lệ thu hồi nhiệt		Độ ồn	Kích thước đóng gói	Cân nặng	Cân nặng
	Cửa vào	Cửa ra						Cool	Heat				
	(mm)	(mm)	(V/Hz)	(W)	(rpm)	(m3/h)	(Pa)	(%)	(%)	(dB)	(mm)	(Net-kg)	(Gross-kg)
NH-1000C	Φ 200	Φ 200	220V/50Hz	600 500	1250	1000 800	245 210	65 62	69 66	47 45	1280*887*383	56	60
NH-1500C	Φ 200	Φ 200	220V/50Hz	1100 900	1100	1500 1200	265 242	68 65	67 64	50 47	1295*880*390	63	67
NH-2000C	Φ 250	Φ 250	220V/50Hz	1500 1200	1250	2000 1680	270 243	65 63	71 68	51 49	1295*980*390	70	74
NH-2500C	340*250	340*250	380V/50Hz	1600	1400	2500	260	64	67	52	1385*1270*468	96	100
NH-3000C	440*287	440*287	380V/50Hz	2000	1350	3000	275	61	65	54	1565*1207*508	115	120
NH-4000C	440*287	440*287	380V/50Hz	2200	1350	4000	305	60	68	55	1565*1207*508	137	142
NH-5000C	565*400	565*400	380V/50Hz	3000	1350	5000	320	65	64	57	1615*1405*608	150	155

Bản vẽ kỹ thuật

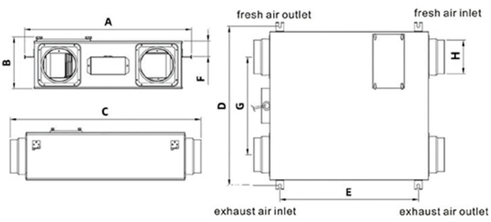


Kích thước kỹ thuật

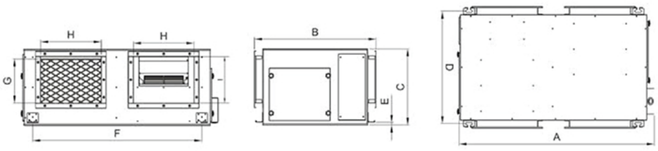
Đơn vị: mm

Model	A	B	C	D	E	F	H
NH-1000C	1150	1056	654	783	320	70	-
NH-1500C	1265	1168	731	849	366	70	-
NH-2000C	1289	1168	837	971	382	83	-
NH-2500C	1380	1327	937	1073	450	50	-
NH-3000C	1547	1158	1240	1300	500	50	40
NH-4000C	1547	1158	1240	1300	500	50	40
NH-5000C	1597	1208	1465	1525	600	50	40

Bản vẽ kỹ thuật



Air volume 230-2000 (m³h)



Air volume 3000-4000 (m³h)

Kích thước kỹ thuật

Đơn vị: mm

Model	A	B	C	D	E	F	G	H
NH-230S	870	125	560	837	370	53	594	Φ 95
NH-550S	870	210	620	837	370	101	580	Φ 147
NH-1000S	870	258	612	837	370	150	535	Φ 197
NH-1500S	965	784	382	666	16	810	-	Φ 247
NH-2000S	965	784	382	666	16	810	-	Φ 247
NH-3000S	1163	718	450	662	17	1000	275*282	275*347
NH-4000S	1163	718	450	662	17	1000	275*336	275*336